

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

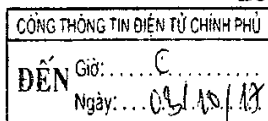
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /2017/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 28 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2095 /TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 và thay thế Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành Quy chế phối hợp quản lý sau khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký liên hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Đài PTTH, Báo Đồng Khởi (để đưa tin);
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Website tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- KT, TCĐT, TH;
- Ban tiếp công dân (để niêm yết);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp,
hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các Cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin; thanh tra, kiểm tra; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại địa phương; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.

2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Đơn vị trực thuộc doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

b) Xác định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định pháp luật.

2. Phối hợp thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không gây phiền hà, cản trở hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, trừ trường hợp doanh nghiệp, hộ kinh doanh vi phạm pháp luật.

3. Việc xử lý các trường hợp vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực phải được trao đổi, thống nhất, đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II
TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH

Mục 1

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về cấp, điều chỉnh, thu hồi, đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Hình thức, trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, các cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp thì các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để rà soát, kiểm tra, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp;

c) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động.

3. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp bằng hình đăng thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc trao đổi qua địa chỉ email của các cơ quan hoặc bằng văn bản giấy, trừ trường hợp thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp đã bị đóng mã số thuế do doanh nghiệp không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp đã được xử lý khôi phục mã số thuế do đã xin hoạt động kinh doanh trở lại và gửi thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để xử lý theo quy định.

4. Các cơ quan chức năng theo lĩnh vực, địa bàn quản lý, khi phát hiện doanh nghiệp không còn hoạt động tại trụ sở đã đăng ký, lập danh sách gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh để xử lý theo quy định; chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý; thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động trao đổi thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý ngành với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

2. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư kinh doanh. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật có hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

3. Các cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

Mục 2

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN HỘ KINH DOANH

Điều 11. Hình thức, trách nhiệm trao đổi thông tin hộ kinh doanh

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Phòng Tài chính - Kế hoạch của huyện thực hiện:

a) Hàng tháng lập danh sách các hộ kinh doanh đăng ký mới, danh sách hộ kinh doanh đăng ký thay đổi, số lượng hộ kinh doanh lũy kế đến tháng báo cáo gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư; danh sách hộ kinh doanh đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện gửi đến các cơ quan quản lý chuyên ngành và các phòng, ban khác của huyện;

b) Phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan khác có liên quan lập danh sách và xử lý theo quy định đối với hộ kinh doanh không hoạt động kinh doanh, tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký.

2. Các phòng, ban thuộc cấp huyện phối hợp trao đổi thông tin hộ kinh doanh trên địa bàn để quản lý số hộ kinh doanh đăng ký mới, chấm dứt hoạt động, ngừng hoạt động kinh doanh trong tháng: tổng số hộ kinh doanh, tình hình hoạt động kinh doanh và phối hợp rà soát xử lý đối với số hộ kinh doanh không còn hoạt động.

Điều 12. Công khai thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của hộ kinh doanh

Ủy ban nhân dân cấp huyện công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương các hành vi vi phạm của hộ kinh doanh do các sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gửi đến, các hành vi vi phạm khác của hộ kinh doanh trên địa bàn huyện.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 13. Nội dung phối hợp

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp trên phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của mình phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp dự kiến thanh tra, kiểm tra.

a) Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm sau liền kề về cho Thanh tra tỉnh.

- Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề. Kế hoạch này phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu sự trùng lặp; đồng thời, gửi cho

Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

3. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản đến các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng các cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt; đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 18. Trách nhiệm của sở, ngành quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Các sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý về tình hình đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh, các thông tin: cấp mới, cấp thay đổi, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động của hộ kinh doanh. Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành quản lý chuyên ngành về tình hình đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh trên địa bàn.

2. Trực tiếp kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung hồ sơ đăng ký trên địa bàn. Kiểm tra hoạt động của hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của hộ.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 3 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề

kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

1. Tiếp nhận thông tin về đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh từ Ủy ban nhân dân huyện; cập nhật, theo dõi số lượng thực tế doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

2. Định kỳ sáu tháng thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh không còn hoạt động tại trụ sở đăng ký.

3. Phát hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thuộc các trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả xử lý hành vi vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Kiểm tra hoạt động của hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của hộ kinh doanh. Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để kịp thời chỉ đạo thực hiện trong trường hợp cần phối hợp xử lý vi phạm của hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

Chương V

**BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP**

Điều 21. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Báo cáo tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Báo cáo tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
- c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Chậm nhất là ngày 15 tháng 01 hàng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy chế này của năm trước liền kề;

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định Điểm a, c, d, đ Khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 21 Quy chế này.

4. Chậm nhất là ngày 15 tháng 02 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo văn bản đề Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm trước liền kề theo nội dung quy định tại Điều 21 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Kinh phí triển khai, thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo Quy chế này được bố trí trong dự toán chi hàng năm của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước Trung ương đặt tại tỉnh. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Trọng